

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 25/2021/TLST-VHNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

1. Ông **Trần Văn**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số A, đường A1, khóm A2, phường A3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bà **Đỗ Thị Kiều O**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q kết hôn năm 1991, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường D, thị xã ST (nay là thành phố ST), tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/4/1991. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng nhiều, vợ chồng không hợp nhau dù cả hai đã nhiều lần tự hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Do quá trình chung sống ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được nên bà O và ông Q yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn cho ông, bà. Xét thấy, bà O và ông Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, đó là không thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, không sống chung với nhau; làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích của hôn nhân cũng không đạt được nên căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, công nhận sự

thuận tình ly hôn của bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q có 02 con chung tên Trần Gia H (nam), sinh ngày 09/5/20XX và Trần Gia H1 (nam), sinh ngày 22/10/20XX. Sau khi ly hôn, bà O và ông Q đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Gia H (nam), sinh ngày 22/10/20XX cho bà Đỗ Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành, ông Q không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Gia H1 (nam), sinh ngày 09/5/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí Tòa án: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đồng ý chịu là 150.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận của ông, bà phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên có cơ sở chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều thống nhất thỏa thuận: Giao cháu Trần Gia H (nam), sinh ngày 22/10/20XX cho bà Đỗ Thị Kiều O trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ tuổi trưởng thành, ông Q không cấp dưỡng nuôi con. Cháu Trần Gia H1 (nam), sinh ngày 09/5/2001 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Văn Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q đều tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Kiều O và ông Trần Văn Q mỗi

người đồng ý chịu là 150.000 đồng nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng lệ phí do bà O và ông Q đã nộp theo các biên lai thu số 0005100 (ông Q) và 0009551 (bà O) cùng ngày 18/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Bà O và ông Q đã nộp xong lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS - TPST;
- UBND phường D, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Thanh Loan